TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/DS-ST
Ngày: 28/02/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.
2. Bà Trần Thị Đúng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánhánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánhánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 467/2019/TLST-DS ngày 25/6/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 532/2020/QĐXXST-DS ngày 09/12/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 02/01/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-DS ngày 31/01/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lữ Thị Ngọc M**, sinh năm 1980.
Địa chỉ: 88/24/13 Phan S, Phường K, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Phạm Bùi Diễm S**, sinh năm 1995; địa chỉ: E8/3 đường Tân T, thị trấn Tân T, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

Bị đơn: Bà **Lại Thị Ngọc N**, sinh năm 1978 – Vắng mặt.
Địa chỉ: E20/8A ấp 5, xã Vĩnh L1, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1976.
Địa chỉ: E20/8A ấp 5, xã Vĩnh L1, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Bảo Q**, sinh năm 1976; địa chỉ: 413/41/14/31 Lê Văn Q1, phường Bình Tr, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2019, bản tự khai cùng các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lữ Thị Ngọc M có đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Bùi Diễm S trình bày:

Vào ngày 20/12/2018, bà Lữ Thị Ngọc M có cho bà Lại Thị Ngọc N vay số tiền là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, khi vay hai bên chỉ viết tay "Giấy mượn tiền" không làm hợp đồng công chứng, thời hạn vay là 05 (Năm) tháng. Bà M đã giao đủ tiền cho bà N, để làm tin bà N có thế chấp cho bà M bản chính bộ Vi bằng số 17485/2018/VB-TPL ngày 19/6/2018 của phần đất thuộc thửa đất số 309, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã Vĩnh L1, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên cho đến nay, bà N vẫn chưa trả lại cho bà M số tiền trên.

Nay bà M yêu cầu Tòa án buộc bà Lại Thị Ngọc N và chồng bà N là ông Nguyễn Ngọc T cùng có trách nhiệm trả cho bà Lữ Thị Ngọc M số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bà N không yêu cầu bà M, ông T trả tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T có đại diện theo ủy quyền là ông Lê Bảo Q trình bày:

Ông Q không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Vì ông Nguyễn Ngọc T không biết việc bà N vay tiền của bà M và bà N cũng không nói cho ông T biết việc vay tiền của bà M. Ông T không biết mục đích bà N vay tiền của bà M để làm gì, bà N cũng không mang số tiền này về lo cho gia đình hay các con. Vì vậy, ông Q khẳng định đây là số tiền vay cá nhân của bà N, không liên quan đến ông T nên với tư cách người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc T, ông Q không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Bà Phạm Bùi Diễm S là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Lại Thị Ngọc N và chồng bà N là ông Nguyễn Ngọc T cùng có trách nhiệm trả cho bà Lữ Thị Ngọc M số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bà N không yêu cầu bà M, ông T trả tiền lãi.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Ông Lê Bảo Q là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời tại phiên tòa, ông Lê Bảo Q đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc T cũng không yêu cầu Luật sư Lê Công T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Ngọc T nữa; lý do ông Lê Công T đã chết vào ngày 30/01/2020 (theo Trích lục khai tử số 130/TLKT-BS ngày 28/02/2020 của Ủy ban nhân dân phường An L, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên về thời hạn giải quyết vụ án chưa đúng.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Lại Thị Ngọc N có trách nhiệm trả cho

nguyên đơn bà Lữ Thị Ngọc M số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn bà M về việc buộc chồng bà N là ông Nguyễn Ngọc T cùng có trách nhiệm liên đới với bà N trả khoản nợ trên cho bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lữ Thị Ngọc M khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối bà Lại Thị Ngọc N, do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về pháp luật áp dụng: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bị đơn là bà Lại Thị Ngọc N các văn bản gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà Lại Thị Ngọc N không tham gia tố tụng tại Tòa án, cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của luật sư Lê Công T: Do ông Lê Công T đã chết vào ngày 30/01/2020 (theo Trích lục khai tử số 130/TLKT-BS ngày 28/02/2020 của Ủy ban nhân dân phường An L, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh). Đồng thời tại phiên tòa, ông Lê Bảo Q đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc T cũng không yêu cầu Luật sư Lê Công T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Ngọc T nữa nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về yêu cầu của các đương sự:

- Căn cứ vào "Giấy mượn tiền" viết tay đề ngày 20/12/2018 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có chữ ký và chữ viết của bà Lại Thị Ngọc N với nội dung: *"... Tôi: Lại Thị Ngọc N, CMND 079178006733, thường trú: E20/8A ấp 5, xã Vĩnh L1, Bình Ch, Tp.HCM, có mượn của bà Lữ Thị Ngọc M số tiền 2.000.000.000 (02 tỷ đồng), Hẹn đúng 05 tháng sẽ hoàn trả số tiền nói trên…*" thể hiện bà N có vay của bà M số tiền là 2.000.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn không lãi suất, thời hạn cho vay là 05 tháng. Từ khi vay cho đến nay bà M chưa trả cho bà N bất kể số tiền nào kể cả vốn và lãi, đã hết thời hạn vay nhưng bà N vẫn không trả lại số tiền trên cho bà M nên bà M khởi kiện đòi lại số tiền trên.

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả*

bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

- Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".*

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý".*

Từ các căn cứ nên trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà M khởi kiện yêu cầu bà N trả lại số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc chồng bà Lại Thị Ngọc N là ông Nguyễn Ngọc T cùng có trách nhiệm liên đới trả khoản tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Ông Nguyễn Ngọc T xác định không biết việc bà N vay tiền của bà M từ thời gian nào, với mục đích gì, bà N không báo cho ông T biết. Thực tế đời sống vợ chồng giữa ông T bà N thường xuyên bất hòa dẫn đến việc bà N không sinh sống ở nhà, không rõ đi đâu, ở đâu, làm gì. Thỉnh thoảng bà N về nhà thăm con rồi lại đi, ông T không thấy bà N đưa bất cứ khoản tiền nào về để phục vụ cho sinh hoạt gia đình hay nuôi các con. Vì vậy, ông T không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T cùng có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho bà M.

+ Phía nguyên đơn cũng thừa nhận: Bà M từ khi cho bà N vay tiền cũng không có mặt ông T, ông T cũng không có ký tên vào "Giấy mượn tiền" viết tay ngày 20/12/2018 giữa bà Lại Thị Ngọc N và bà Lữ Thị Ngọc M. Sau khi bà M cho bà N vay tiền, bà M cũng không có thông báo cho ông T biết về việc bà N vay tiền của bà M. Nay bà M yêu cầu ông T cùng có trách nhiệm liên đới với bà N trả khoản nợ 2.000.000.000 đồng cho bà M vì khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông T.

- Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng:

"1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình".*

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:*

...2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;".

Như vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Ngọc T cùng có trách nhiệm liên đới với bà N trả khoản nợ trên cho bà M, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà N vay tiền của bà M là giao dịch cá nhân giữa bà N và bà M. Bà N vắng mặt nên bà N

không tự chứng minh được có dùng số tiền vay trên nhằm mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình hay không. Mặt khác, việc bà N vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án chứng tỏ, bà N không có thiện chí trong việc trả nợ cho bà M và không có ý thức tôn trọng pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Do đó, bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật.

Từ căn cứ trên của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả trả tiền vốn gốc là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, ông Nguyễn Ngọc T không có trách nhiệm phải liên đới cùng với bà Lại Thị Ngọc N trả khoản nợ trên cho nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lữ Thị Ngọc M về việc không yêu cầu bà Lại Thị Ngọc N trả tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà bà N chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo án tuyên thì bà N còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị Ngọc M đối với bà Lại Thị Ngọc N.

Buộc bà Lại Thị Ngọc N có trách nhiệm trả cho bà Lữ Thị Ngọc M số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng theo phương thức trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lữ Thị Ngọc M về việc không yêu cầu bà Lại Thị Ngọc N trả tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lại Thị Ngọc N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên thì bà N còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. "Giấy mượn tiền" viết tay ngày 20/12/2018 giữa bà Lại Thị Ngọc N và bà Lữ Thị Ngọc M không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn bà Lữ Thị Ngọc M có trách nhiệm trả lại cho bà Lại Thị Ngọc N bản chính 01 bộ Vi bằng số 17485/2018/VB-TPL ngày 19/6/2018 đối với phần đất thuộc thửa đất số 309, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã Vĩnh L1, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Ông Nguyễn Ngọc T không có trách nhiệm liên đới trong vụ việc này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lại Thị Ngọc N phải chịu 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lữ Thị Ngọc M được hoàn lại số tiền 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002312 ngày 19/06/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (6);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền